TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 540/2025/HC-PT
Ngày 06-5-2025
V/v "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc;

Ông Trần Văn Đạt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đình Nam - Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 1262/2024/TLPT-HC ngày 12 tháng 12 năm 2024 về "*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1041/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1964. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị L, sinh năm 1983. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê H – Phó Chủ tịch UBND tỉnh N. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Đinh Thị Hồng H1 - Chuyên viên Phòng Q và khoáng sản Sở Nông nghiệp và Môi trường. *(Có mặt)*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1962. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị L, sinh năm 1983. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Bùi Văn H2, sinh năm 1968. *(Có mặt)*

3. Bà Nguyễn Thị H3. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

4. Ủy ban nhân dân (UBND) xã P.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã P: Ông Nguyễn Tấn L2. *(Có mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng H4 (công chức địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng - Môi trường). *(Vắng mặt)*

**Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Bùi Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04/11/2022, Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 1538/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của ông Bùi Văn T:

+ Hành vi thứ nhất: Chiếm 3.979m² đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn tại địa bàn thôn S, xã P, huyện T, đất do UBND xã P quản lý, cụ thể: Đã sử dụng đất trên thực địa từ thời điểm sau ngày 03/3/2022 để xây dựng các công trình, trồng cây ăn trái, rào lưới B40 phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hành vi này vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

+ Hành vi thứ hai: Chiếm 16.664m² đất trồng cây hàng năm khác tại khu vực nông thôn thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 thuộc địa bàn thôn S, xã P được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số DA 805709 ngày 29/10/2021 cho ông Bùi Văn H2 và bà Nguyễn Thị H3. Cụ thể: Đã sử dụng đất trên thực địa từ thời điểm sau ngày 03/3/2022 để xây dựng các công trình, trồng cây ăn trái, rào lưới B40 phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hành vi này vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

- Ông Bùi Văn T bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

+ Hành vi thứ nhất: Phạt tiền. Cụ thể, mức phạt tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

+ Hành vi thứ hai: Phạt tiền. Cụ thể, mức phạt tiền là 85.000.000 đồng (T1 mươi lăm triệu đồng).

Tổng số tiền phạt cho hai hành vi vi phạm: 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng).

- Hình thức xử phạt bổ sung: không.

- Các biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Đối với hành vi thứ nhất: Buộc ông Bùi Văn T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích 3.979m² đất đã chiếm theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 618.814 đồng theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

+ Đối với hành vi thứ hai: Buộc ông Bùi Văn T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích 16.664 m² đất đã chiếm theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền là 2.591.585 đồng theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023 đính chính Quyết định số 1538/QĐ-UBND do sai sót về kỹ thuật soạn thảo, nội dung đính chính:

- Tại điểm c khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 đã viết là: "Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 618.814 đồng theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ".

Nay sửa lại là: "Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 618.814 đồng theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/ND-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ".

- Tại điểm c khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 đã viết là: "Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 2.591.585 đồng theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ".

Nay sửa lại là: "Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với tổng số tiền là 2.591.585 đồng theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ".

Không đồng ý với Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, ông Bùi Văn T đã khiếu nại, vụ việc được Chủ

tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T (lần đầu với nội dung: Công nhận nội dung Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Bùi Văn T (đã được đính chính tại Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023).

Tiếp đến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Văn T, có nội dung:

a) Đối với hành vi thứ nhất: Buộc ông Bùi Văn T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại 3.979m² đất đã chiếm của UBND xã P theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 04/2022NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ. Thời gian thực hiện 60 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Đối với hành vi thứ hai: Buộc ông Bùi Văn T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại 16.664m² đất đã chiếm của ông Bùi Văn H2, bà Nguyễn Thị H3 theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ. Thời gian thực hiện: 60 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Do ông Bùi Văn T khiếu nại, ngày 21/11/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 1579/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Văn T (lần đầu), có nội dung: "Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Văn T".

Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện - bà Lê Thị L **- trình bày:**

Ngày 19/11/2022, ông Bùi Văn T có nhận Quyết định xử phạt hành chính số 1538/QĐ-XPHC của UBND tỉnh N ngày 04/11/2022. Trong Quyết định này có nêu căn cứ biên bản vi phạm hành chính số 77/BB-VPHC do UBND xã P lập ngày 05/10/2022 và biên bản xác minh số 88/BB-XM do UBND xã P lập ngày 01/11/2022. Tuy nhiên, nội dung 2 biên bản nêu trên không đúng sự thật so với thực tế đất ông T đang canh tác. Quyết định xử phạt hành chính căn cứ trên hai biên bản này là không phù hợp.

Ông T là người làm nghề nông, canh tác trên đất của ông khai hoang từ hơn 35 năm qua. Đất của ông canh tác được rất nhiều người trong thôn S biết và làm chứng.

Đối với hành vi thứ nhất, Quyết định xử phạt hành chính căn cứ biên bản là không đúng với thực tế. Khi cán bộ địa chính xã P xuống thực địa đo vẽ, lập ranh đất ông T chiếm đóng đo vẽ là không chính xác. Việc xác minh trong buổi

họp cũng không xác minh đối chiếu làm rõ bản vẽ với thực tế ranh đất của ông. Cho rằng ông chiếm dụng đất là không đúng sự thật.

Đối với hành vi thứ hai, Quyết định căn cứ trên biên bản cho rằng ông T chiếm đất của ông Bùi Văn H2 là không đúng sự thật. Đất của ông T và ba ông H2 đã được Tòa án giải quyết. Ba ông H2 cũng là ba của ông T. Do ông T tin tưởng ba nên đồng ý cho ba của ông canh tác trên đất. Ba ông T muốn ông giao đất nhưng ông không đồng ý. Khi tranh chấp đất xảy ra giữa ông T và ba của ông, Tòa án đã xem xét giải quyết. Đất của ông canh tác hơn 35 năm cả thôn S biết. Tòa án đã tuyên án. Nhưng ông H2 là em ruột có nhiều mối quan hệ với chính quyền địa phương, ông H2 vẫn biết là đất của ông T canh tác từ rất lâu nhưng vẫn lập hồ sơ xin cấp đất và UBND huyện T cấp sổ cho ông H2 không phù hợp với nội dung bản án Tòa án đã tuyên.

Quyết định xử phạt hành chính số 1538/QĐ-XPHC của UBND tỉnh N đề ngày 04/11/2022 và Quyết định đính chính số 463/QĐ-ĐC ngày 07-04- 2023 căn cứ trên hai biên bản vi phạm hành chính và biên bản xác minh là không phù hợp và không đúng sự thật.

Do vậy, ngày 22 tháng 5 năm 2023, ông Bùi Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xem xét, giải quyết: Hủy Quyết định xử phạt hành chính số 1538/QĐ-XPHC của UBND tỉnh N đề ngày 04/11/2022 và Quyết định đính chính số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023.

Ngày 02 tháng 11 năm 2023, ông Bùi Văn T có Đơn khởi kiện bổ sung: Hủy Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Văn T.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, Ông Bùi Văn T tiếp tục có Đơn khởi kiện bổ sung:

- Hủy Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022.

- Hủy Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T đối với Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 về việc cưỡng chế .

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N **- đã có văn bản trình bày ý kiến ngày 05/12/2023, ngày 18/8/2023 và ngày 23/7/2024 (BL 134, 141). Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của** N **bị kiện - Bà** Đinh Thị Hồng H1 **- trình bày:**

1. Nội dung giải quyết:

- Ngày 03/3/2022, Ủy ban nhân dân xã P tổ chức kiểm tra và phát hiện ông Bùi Văn T có hành vi xây dựng công trình, trồng một số cây ăn trái, rào lưới B40

trái phép trên diện tích 20.643m² đất. Ủy ban nhân dân xã P lập Biên bản vi phạm hành chính số 77/BB-VPHC ngày 05/10/2022 về hành vi chiếm đất của ông Bùi Văn T với diện tích 20.643 m² (trong đó chiếm 3.979 m² đất chưa sử dụng khu vực nông thôn tại địa bàn thôn S, xã P, huyện T, đất do Ủy ban nhân dân xã P quản lý; chiếm 16.664 m² đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 805709 ngày 29/10/2021 thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ địa chính số 44 xã P cho ông Bùi Văn H2 và vợ là bà Nguyễn Thị H3. Biên bản vi phạm hành chính đã giao cho ông Bùi Văn T ngày 05/10/2022. Ngày 01/11/2022, Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành lập Biên bản số 88/BB-XM xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với trường hợp ông Bùi Văn T.

Ông Bùi Văn T không có giấy tờ hợp pháp chứng minh diện tích đất 20.643 m² trên thuộc quyền sử dụng của gia đình ông.

- Ngày 04/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 1538/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính. Do UBND huyện T có văn bản tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xử lý vi phạm hành chính, trong đó chỉ áp dụng điểm d khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ để buộc ông Bùi Văn T nộp lại số lợi hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm mà chưa viện dẫn bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ là chưa phù hợp. Tuy nhiên giá trị số lợi bất hợp pháp không thay đổi. Vì vậy, ngày 24/3/2023, UBND huyện T có Công văn số 956/UBND-CD đính chính, bổ sung các nội dung có liên quan tham mưu ban hành quyết định xử phạt đối với ông Bùi Văn T. Từ đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023 đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi vi phạm của ông Bùi Văn T.

Không đồng ý với Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, ông Bùi Văn T đã khiếu nại.

Căn cứ Luật Khiếu Nại năm 2011, Chủ tịch UBND tỉnh đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn T và giao Thanh tra tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh. Kết quả xác minh cho thấy ông Bùi Văn T đã có hành vi chiếm đất với tổng diện tích là 20.643 m² (trong đó có 16.664 m² đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Bùi Văn H2 ngày 29/10/2021 và diện tích 3.979 m² đất chưa sử dụng do UBND xã P quản lý). Việc ông T tự ý chiếm đất của ông Bùi Văn H2 và đất do UBND xã quản lý đã vi phạm điểm c khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Vì vậy Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1538/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023 đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành

chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi vi phạm của ông Bùi Văn T là có cơ sở. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức đối thoại và ban hành Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T (lần đầu với nội dung: Công nhận nội dung Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Bùi Văn T (đã được đính chính tại Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) là đúng pháp luật.

- Do đã hết thời hạn thi hành quyết định, tuy nhiên ông Bùi Văn T không tự nguyện chấp hành các Quyết định trên và để bảo đảm thi hành Quyết định số 1538/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023 về đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Bùi Văn T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Văn T.

Sau khi nhận Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, ông Bùi Văn T đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Y hủy bỏ Quyết định số 1098/QĐ-CCXP.

Căn cứ Luật Khiếu Nại năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Thông báo số 104/TB-UBND ngày 03/10/2023 về thụ lý giải quyết khiếu nại, lần đầu của ông Bùi Văn T (khiếu nại Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

Qua rà soát toàn bộ hồ sơ vụ việc và kết quả thẩm tra xác minh, xác định:

Ông Bùi Văn T không có giấy tờ hợp pháp chứng minh tổng diện tích 20.643 m² đất mà ông T đã chiếm là đất của ông; đã hết thời hiệu thi hành Quyết định số 1538/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023 về đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Bùi Văn T. Tuy nhiên, ông Bùi Văn T không tự nguyện chấp hành. Vì vậy, ngày 21/8/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 1098/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Văn T là đúng quy định của pháp luật. Việc ông Bùi Văn T khiếu nại yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L không có cơ sở.

Ngày 15/11/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đối thoại và ban hành Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Văn T (lần đầu), có nội dung: "Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông là đúng".

Sau khi ban hành Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 về giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn T (khiếu nại Quyết định số 1098/QĐ-

CCXP ngày 21/8/2023), Ủy ban nhân dân tỉnh N được Thông báo số 38A/TLST-HC ngày 13/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T (khởi kiện Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N).

3. Căn cứ pháp lý:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

- Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai;

- Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

4. Quan điểm của người trình bày:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định số 1538/QĐ-XPHC Ngày 04/11/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023 đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi vi phạm của ông Bùi Văn T; Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T (lần đầu) khi ông T khiếu nại Quyết định số 1538/QĐ- XPHC ngày 04/11/2022; Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Văn T; Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 về giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Văn T (lần đầu) đối với Quyết định số 1098/QD-CCXP ngày 21/8/2023 là đúng quy định pháp luật. Việc ông Bùi Văn T yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết hủy các quyết định trên là không có căn cứ.

b) Ngày 25/9/2023, ông Bùi Văn T đã thực hiện quyền khiếu nại lần đầu đối với Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Văn T. Ngày 03/10/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Thông

báo thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T. Đến ngày 02/11/2023, ông Bùi Văn T lại tiếp tục gửi đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh đối với Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023, được Tòa án tỉnh thụ lý tại Thông báo thụ số 38A/TLST-HC ngày 13/11/2023.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 về đình chỉ giải quyết vụ án: "1. Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trong các trường hợp sau đây... h) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 123 của Luật này mà Tòa án đã thụ lý...".

Tại khoản 1 Điều 123 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 quy định: "*Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện trong những trường hợp sau đây…e) Người khởi kiện lựa chọn giải quyết vụ việc theo thủ tục giải quyết khiếu nại trong trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật này*".

Theo điểm b khoản 1 Điều 33 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 về xác định thẩm quyền trong trường hợp vừa có đơn khiếu nại, vừa có đơn khởi kiện: "Trường hợp người khởi kiện lựa chọn người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại giải quyết thì Tòa án căn cứ vào quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 của Luật này trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo cho người khởi kiện."

Từ các cơ sở pháp lý nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính nêu trên và trả lại đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo (nếu có) cho ông Bùi Văn T theo đúng quy định pháp luật.

Tại Biên bản đối thoại ngày 17/5/2024 và tại phiên tòa, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Bùi Văn H2 **- trình bày:**

Ông Bùi Văn T đã chiếm 16.664 m² đất trồng cây hàng năm khác tại khu vực nông thôn thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 thuộc địa bàn thôn S, xã P được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số DA 805709 ngày 29/10/2021 cho ông và vợ là Nguyễn Thị H3. Nguồn gốc thửa đất cha ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004, sau đó năm 2005 cha ông sang nhượng thửa đất cho ông. Ông Bùi Văn T dùng lưới B40 bao chiếm thửa đất, san ủi đất làm hoa màu, làm chòi rẫy.

Năm 2017 ông Bùi Văn T khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, vụ việc tranh chấp được Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam giải quyết tại bản án số 06/2017/DS-ST ngày 29/8/2017, tạm giao thửa đất cho ông và bà H3 quản lý diện tích 16.664 m². Bản án có hiệu lực pháp luật do không có kháng cáo kháng nghị. Ông được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số DA 805709 ngày 29/10/2021. Sau đó ông tố cáo ông T chiếm đất lên ủy ban nhân dân xã. Cho đến giờ ông T vẫn đang chiếm đất của ông.Trước đó ông bị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 388069 do UBND huyện N cấp ngày 28/02/2005 thuộc thửa đất số 25 diện tích 14.601 m² do cấp sai vị trí đất. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ủy ban nhân dân xã P - **có văn bản trình bày ý kiến ngày 23 tháng 11 năm 2023. Tại phiên tòa, ông** Nguyễn Trọng H4 **trình bày như sau:**

Theo hồ sơ địa chính của UBND xã (bản đồ địa chính, sổ mục kê) thành lập năm 1997 có bổ sung vào năm 2002, 2008 thì phần diện tích đất 3.979 m² mà ông Bùi Văn T chiếm được xác định là đất do UBND xã quản lý, trong đó: phần diện tích đất chiếm suối là 2.370 m² và phần diện tích đất chiếm đất chưa sử dụng là 1.609 m². Vị trí phần diện tích đất 3.979 m² nằm xung quanh thửa số 26, tờ bản đồ số 44 thuộc địa bàn thôn S, xã P được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số DA 805709 ngày 29/10/2021 cho ông Bùi Văn H2 và vợ là Nguyễn Thị H3. Ông Bùi Văn T không cung cấp được các giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất đối với phần đất đã chiếm.

Trình tự xử lý vi phạm hành chính: Ngày 03/3/2022, Ủy ban nhân dân xã P tổ chức kiểm tra và phát hiện ông Bùi Văn T có hành vi xây dựng công trình, trồng một số cây ăn trái, rào lưới B40 trái phép trên diện tích 20.643m² đất. Ủy ban nhân dân xã P lập Biên bản vi phạm hành chính số 77/BB-VPHC ngày 05/10/2022 về hành vi chiếm đất của ông Bùi Văn T với diện tích 20.643 m². Trong đó ông T chiếm 3.979 m² đất chưa sử dụng khu vực nông thôn tại địa bàn thôn S, xã P, huyện T, đất do Ủy ban nhân dân xã P quản lý và chiếm 16.664 m² đất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 805709 ngày 29/10/2021 thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ địa chính số 44 xã P cho ông Bùi Văn H2 và vợ là bà Nguyễn Thị H3. Biên bản vi phạm hành chính đã giao cho ông Bùi Văn T ngày 05/10/2022. Tại Biên bản làm việc ngày 05/10/2022, Ông Bùi Văn T ký xác nhận: "Ranh giới thửa đất do tôi xác định tại thực địa để Văn phòng Đ - Chi nhánh T4 đo đạc, diện tích đất 20.659 m² theo Trích lục số 1250/2022 là do tôi đang sử dụng. Cây trồng nông nghiệp trên đất, tài sản trên đất là của tôi, do tôi xây dựng trồng trọt". Ngày 01/11/2022, Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành lập Biên bản số 88/BB-XM xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với trường hợp ông Bùi Văn T. Sau đó, UBND xã P chuyển hồ sơ xử lý theo thẩm quyền. Việc UBND xã lập hồ sơ vi phạm hành chính đối với ông Bùi Văn T là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lập Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 04 tháng 7 năm 2024. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ đã ban hành Trích lục bản đồ địa chính ngày 26 tháng 7 năm 2024.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, quyết định:

Căn cứ vào: Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất Đai năm 2013; Luật Khiếu Nại

2011; Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chỉ tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu Nại; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T về hủy Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Văn T.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về xử phạt hành chính đối với ông Bùi Văn T.

- Hủy Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính đối với Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022.

- Hủy Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T (lần đầu) đối với Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 về xử phạt vi phạm hành chính (đã được đính chính tại Quyết định số 463/QĐ- ĐC ngày 07/4/2013).

- Hủy Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn T (khiếu nại Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/9/2024, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Lê Thị L người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn T trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp hợp đồng giao khoán đất rừng năm 2000 cho ông T để chứng minh ông đã khai hoang, sử dụng đất từ trước năm 2000.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Bùi Văn T cho rằng đây là quan hệ tranh chấp thuộc lĩnh vực dân sự, Chủ tịch UBND huyện N ra Quyết định hành chính để giải quyết là không đúng thủ tục.

Về nội dung, ông H2 và cha của các ông là ông Bùi Văn T2 nguyên là Phó Chủ tịch xã P nên ngoài thời gian làm việc không có thời gian đi khai hoang đất. Năm 2000, ông T2 có thông tin về chính sách giao khoán rừng nên đã kêu ông T trồng cây đào để hưởng hoa lợi trên đất. Toàn bộ đất đai là do vợ chồng ông T khai hoang và sử dụng để trồng trọt cây trái mang đi bán nuôi cả gia đình vì ông T2 lớn tuổi và các em của ông T còn nhỏ, không biết làm rẫy và không biết vị trí đất canh tác.

Tại công văn số 154/UBND-ĐC ngày 26/12/2016 của UBND xã P có nội dung: "… *Những người sử dụng đất là gia đình cụ* Bùi Văn T2*, còn cụ thể là ai, vào thời điểm nào thì xã không rõ*…"

Tại Trích lục bản đồ địa chính ngày 26/7/2024 do Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị đo đạc thì tổng diện tích đất ông T sử dụng không giống với bản vẽ của UBND xã P lập và cho rằng ông T lấn chiếm đất của xã quản lý, và cũng khác với bản vẽ do Thanh tra tỉnh Ninh Thuận cung cấp.

Do vậy, công khai hoang đất và quyền sử dụng đất của ông T từ năm 1980 phù hợp với quy định pháp luật đất đai. Bản vẽ trích đo của cấp sơ thẩm cho thấy ông T chiếm đất theo các Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022, số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023 cùng với số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N là không đúng.

Ý kiến của UBND huyện N cho rằng ông T có chiếm một phần đất do UBND xã P quản lý là không đúng vì các bản đồ trích lục đo đạc hình thể đất không giống nhau, việc xử phạt hành vi lấn chiếm đất của ông T là không đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm và tuyên hủy các Quyết định số 1538, 463 và 1098 nói trên.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh N yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xét xử đúng quy định.

Đại diện UBND xã P xác định có việc giao khoán đất rừng cho các hộ dân chăm sóc hưởng hoa lợi, nhưng có nhiều hộ đã không thực hiện sau khi nhận đất nên dự án không tiến hành đúng kế hoạch và đã kết thúc. Riêng hộ ông Bùi Văn T có ký hợp đồng giao khoán nhưng bỏ đất đi nơi khác, không chăm sóc và thực hiện khai thác như hợp đồng giao khoán. Ông T cũng không kê khai đăng ký diện tích đất nào mà chỉ có gia đình ông Bùi Văn T2 (cha ông T) kê khai. Sau đó khi Nhà nước có chủ trương cho các hộ dân sử dụng đất trước thời kỳ giao khoán đăng ký kê khai lại thì ông Bùi Văn H2 tiếp tục kê khai đất có nguồn gốc do cha ruột giao. Phần diện tích giáp suối và giáp đất ông H2 được cấp GCNQSD đất là

phần đất của UBND xã quản lý, các hộ dân cũng vào chiếm đất và UBND xã cũng đã yêu cầu chấm dứt việc lấn chiếm.

Ông Bùi Văn H2 trình bày ông T không khai hoang và sinh sống như nêu trong đơn khởi kiện; đất là của cha mẹ và ông H2 là người được cha mẹ cho phép sử dụng nên ông đăng ký kê khai, được cấp GCNQSD đất là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Đối với việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T3 theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã triệu tập hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, ông Bùi Văn T yêu cầu hủy Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Văn T; hủy Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh N về xử phạt hành

chính đối với ông Bùi Văn T; hủy Quyết định số 463/QĐ- ĐC ngày 07/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính đối với Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022; hủy Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T (lần đầu) đối với Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 về xử phạt vi phạm hành chính (đã được đính chính tại Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023); hủy Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N về giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn T (khiếu nại Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023).

Xét, lý do ông T bị Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính xuất phát từ việc sử dụng đất thuộc quyền quản lý của UBND xã P và một phần diện tích mà người khác đã được cấp GCNQSD đất. Ông T trình bày đất này do vợ chồng ông tự khai hoang từ năm 1986 nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Ông T cho rằng đất được tạm giao cho ông Bùi Văn H2, sau đó ông H2 được cấp GCNQSD đất là không đúng thực tế sử dụng đất nhưng việc tranh chấp đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, ông không có kháng cáo đối và hiện nay không có bản án, quyết định nào của Tòa án có thẩm quyền bác bỏ phán quyết của bản án trên.

Ông T không đồng ý với quyết định cấp GCNQSD đất cho gia đình ông H5 và khiếu nại nhưng nội dung khiếu nại không được chấp nhận thông qua Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 về giải quyết khiếu nại đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành. Hội đồng xét xử nhận định về tính hợp pháp và có căn cứ của các quyết định hành chính bị khởi kiện như sau:

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

Quyết định 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 về xử phạt hành chính đối với ông Bùi Văn T: về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành là đúng quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Xử phạt vi phạm hành chính. Trước thời điểm ban hành quyết định xử phạt hành vi chiếm đất của ông T đã bị UBND xã P, huyện T lập Biên bản vi phạm hành chính ngày 05/10/2022 và đến ngày 01/11/2022 lập Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của ông T. Qua đó xác định ông T không có giấy tờ hợp pháp chứng minh diện tích đất 20.643m² trên thuộc quyền sử dụng của gia đình ông.

Đối với Quyết định số 463/QĐ- ĐC ngày 07/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N có nội dung đính chính Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 chỉ viện dẫn bổ sung thêm căn cứ pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, ngoài ra không có nội dung nào khác.

Như vậy, về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên là hợp pháp.

- Về nội dung: Biên bản vi phạm hành chính thể hiện ông Bùi Văn T đã sử dụng diện tích đất 3.979m² đất khu vực nông thôn tại địa bàn Thôn S, xã P, huyện T là đất do UBND xã P quản lý và chiếm 16.664m² đất trồng cây hàng năm khác tại khu vực nông thôn thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 44 thuộc địa bàn Thôn S, xã P, huyện T được UBND huyện T cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu tài sản trên đất số DA 805709 ngày 29/10/2021 cho ông H2, bà H3. Do vậy, quyết định xử phạt buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại tổng diện tích đất đã chiếm là đúng quy định tại điểm a khoản 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 10/01/2019; việc buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp như các Nghị định đã được viện dẫn là có căn cứ. Các lý do ông T đưa ra để yêu cầu hủy quyết định xử phạt là không có cơ sở.

Đối với Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 về giải quyết khiếu nại đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành thì Thanh tra tỉnh Ninh Thuận đã tiến hành xác minh và xác định về tính chất các phần đất mà ông T sử dụng, trên cơ sở kết luận thanh tra, Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo khoản 1 Điều 21 Luật Khiếu nại. Về nội dung, do Quyết định xử lý vi phạm hành chính là đúng nên việc người bị kiện không chấp nhận khiếu nại là phù hợp.

Đối với Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: do ông T không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, Chủ tịch UBND tỉnh N đã ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với người có hành vi vi phạm. Quyết định này đúng quy định của các Điều 85, 86, 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và khoản 43, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do vậy yêu cầu hủy quyết định này của ông T cũng không có cơ sở để chấp nhận. Quá trình xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày 25/9/2023, ông Bùi Văn T đã thực hiện quyền khiếu nại lần đầu đối với Quyết định số 1098 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại vào ngày 03/10/2023; nhưng ngày 02/11/2023, ông Bùi Văn T lại có Đơn khởi kiện bổ sung đối với Quyết định 1098 nói trên. Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 để đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 1098 của ông T là đúng quy định.

Đối với Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông T khi khiếu nại về quyết định cưỡng chế số 1098: Về trình tự, thủ tục ban hành đã đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Khiếu nại 2012; về nội dung: do các Quyết định xử phạt hành chính số 1538, số 463 và quyết định giải quyết khiếu nại số 492 đã xác định lỗi vi phạm của ông T, nên việc ông không chấp hành quyết định xử phạt và bị

ban hành Quyết định cưỡng chế số 1098 để buộc khắc phục hậu quả là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét các Quyết định hành chính bị kiện đã được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Về nội dung của các quyết định nêu trên là có căn cứ nên bản án hành chính sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Ông Bùi Văn T kháng cáo yêu cầu xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật. Xét quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định về tố tụng. Về nội dung đã giải quyết đúng với tài liệu, chứng cứ đã thu thập, đúng quy định pháp luật. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới nên kháng cáo của ông và các ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông nêu ra không có cơ sở để chấp nhận. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên ông T là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn T.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 31/2024/HC-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ:

Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

Luật Đất Đai năm 2013;

Luật Khiếu Nại 2011;

Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính;

Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu Nại;

Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai;

Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ;

Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T về hủy Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Văn T.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về xử phạt hành chính đối với ông Bùi Văn T.

- Hủy Quyết định số 463/QĐ-ĐC ngày 07/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính đối với Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022.

- Hủy Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 16/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T (lần đầu) đối với Quyết định số 1538/QĐ-XPHC ngày 04/11/2022 về xử phạt vi phạm hành chính (đã được đính chính tại Quyết định số 463/QĐ- ĐC ngày 07/4/2013).

- Hủy Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N về giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Bùi Văn T (khiếu nại Quyết định số 1098/QĐ-CCXP ngày 21/8/2023).

Án phí hành chính phúc thẩm ông Bùi Văn T được miễn.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ